

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2009

Số: /TH-BC

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÁNG 8 NĂM 2009
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

1. TÌNH HÌNH CHUNG

Trong tháng 8/2009, các địa phương miền Bắc cơ bản hoàn thành kế hoạch gieo cấy lúa mùa, chuyên trọng tâm sang chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ hè thu/mùa. Các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch nhanh gọn lúa hè thu, tiếp tục gieo cấy lúa thu đông/mùa và gieo trồng rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày.

Tính đến ngày 15/8/2009, tổng diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt 1.464,2 ngàn ha, bằng 100,4 % so với cùng kỳ năm trước. Thu hoạch lúa hè thu đạt hơn 1,2 triệu ha bằng 100,4 % so cùng kỳ năm trước. Tại địa bàn Bắc Trung Bộ lúa hè thu đã bắt đầu chín, chuẩn bị cho thu hoạch, trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Các tỉnh Nam Trung bộ lúa khá tốt nhờ mưa đều, trạ lúa sớm đang cho thu hoạch. Tuy nhiên, sâu bệnh gây hại đang có chiều hướng tăng nhanh tại một số địa phương trong vùng, đặc biệt là rầy nâu và rầy lưng trắng cần được phòng trừ kịp thời tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Vùng Đồng bằng Nam bộ, lúa hè thu đang trong thời kỳ thu hoạch rộ.

Ngoài lúa, trong tháng các địa phương tiếp tục gieo trồng và thu hoạch rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu và vụ mùa. Gieo trồng màu lương thực đạt gần 1,4 triệu ha, giảm 4,5 % so cùng kỳ. Đáng chú ý là diện tích các cây chủ lực như ngô, khoai lang, sắn đều đạt diện tích thấp hơn so với cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày đạt hơn 622 nghìn ha, tăng so với năm trước. Rau, đậu các loại đạt 614,4 nghìn ha, xấp xỉ cùng kỳ năm trước. Theo Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng 8/2009, diện tích lúa bị nhiễm sâu bệnh nhìn chung giảm nhiều so với các tháng trước, đặc biệt rầy nâu và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá ở vùng ĐBSCL đã giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Sản xuất chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2009 phát triển tốt hơn so với cùng kỳ 2008. Giá cả thức ăn và giá bán sản phẩm tương đối ổn định đã tạo điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, với mức giá bán sản phẩm ở mức thấp như hiện nay thì người chăn nuôi lợn và gia cầm lãi ít đã ảnh hưởng đến tốc độ mở rộng quy mô đàn.

Hoạt động khai thác trên biển của ngư dân bị giảm do ảnh hưởng của các cơn bão, áp thấp nhiệt đới ngoài khơi. Tình hình tàu của ngư dân của một số tỉnh, địa phương bị phía nước ngoài bắt giữ khi đang đánh bắt trên biển làm ảnh hưởng đến sản lượng thủy

sản khai thác chung của cả nước. Tổng sản lượng thủy sản 8 tháng đầu năm 2009 ước đạt 3.000 nghìn tấn, tăng 1,7 % so cùng kỳ năm trước, trong đó, sản lượng khai thác thủy sản đạt 1.502 nghìn tấn, tăng 5,6 % so với cùng kỳ năm trước, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 1.498 nghìn tấn, bằng 98,0 % so cùng kỳ năm trước.

Tháng 8/2009, tổng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 1,35 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 630 triệu USD, thủy sản 450 triệu USD, lâm sản chính ước đạt 250 triệu USD. Tổng giá trị xuất khẩu toàn ngành 8 tháng ước đạt 10,2 tỷ USD, giảm 7,9 % so với cùng kỳ năm 2008, trong đó các mặt hàng nông sản đạt 5,59 tỷ USD (bằng 91,44 % so với cùng kỳ), thủy sản đạt 2,65 tỷ USD (bằng 91,89 % so với cùng kỳ), lâm sản chính đạt 1,7 tỷ USD (bằng 86,15 % so với cùng kỳ). Hầu hết các mặt hàng đều tăng về lượng nhưng giá trị thì phần lớn sụt giảm so với năm trước, trừ mặt hàng gạo, rau quả và sắn.

Tổng giá trị nhập khẩu tháng 8 của các mặt hàng nông sản và vật tư, nguyên liệu đạt 1 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu các mặt hàng chủ yếu 8 tháng đầu năm 2009 đạt 6,64 tỷ USD, giảm 10,52% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu đến tháng 8/2009 như sau :

Chỉ tiêu	Ước TH	Tỷ lệ (%)*
1. Gieo cấy lúa Mùa cả nước (nghìn ha)	1.464,2	100,4
Miền Bắc	1.170,6	99,3
Miền Nam	293,7	105,0
2. Thu hoạch lúa Hè Thu ở miền Nam (nghìn ha)	1.223,8	100,4
Trong đó : Đồng bằng sông Cửu Long	1117,0	100,3
3. Gieo trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày**		
3.1. Gieo trồng màu lương thực (nghìn ha)	1.387,6	95,5
3.2. Gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày(nghìn ha)	622,5	102,2
4. Gieo trồng rau, đậu các loại (nghìn ha)	614,4	99,8
5. Trồng rừng tập trung (nghìn ha)	118,4	110,2
Trong đó: Rừng phòng hộ, đặc dụng	27,6	117,7
Rừng sản xuất	90,7	108,2
6. Tổng sản lượng thủy sản (nghìn tấn)	3.000	101,7
Trong đó: Sản lượng khai thác (nghìn tấn)	1.502	105,6
Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	1.498	98,0
7. Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	10.219	92,10
Trong đó: Nông sản	5.585	91,44
Thủy sản	2.647	91,89
Lâm sản	1.705	88,15

Ghi chú : * So với cùng kỳ

** Miền Bắc bao gồm cả cây vụ đông

2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH

2.1. Trồng trọt, bảo vệ thực vật

2.1.1. Trồng trọt

Trong tháng 8/2009, các địa phương miền Bắc cơ bản hoàn thành kế hoạch gieo cấy lúa mùa, chuyển trọng tâm sang chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ lúa và các cây rau,

màu vụ hè thu/mùa. Các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch nhanh gọn lúa hè thu, tiếp tục gieo cấy lúa thu đông/mùa và gieo trồng rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày.

Lúa mùa : Tính đến ngày 15/8/2009, tổng diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt 1.464,2 ngàn ha, bằng 100,4% so với cùng kỳ năm trước. Các tỉnh miền Bắc đã cơ bản hoàn thành diện tích gieo cấy đạt 1.170,6 ngàn ha, tương đương cùng kỳ năm trước, trong khi các tỉnh phía Nam, ngoài việc tập trung thời gian thu hoạch lúa hè thu đã triển khai xuống giống lúa mùa đạt gần 300 ngàn ha.

Hiện nay, tại các tỉnh miền Bắc, trừ một số địa bàn vùng núi còn rải rác gieo thêm lúa nương, cấy lúa ở các chân ruộng cao, các địa phương còn lại đang tập trung làm cỏ, bón phân, tưới nước cho lúa trong điều kiện thời tiết khá thuận lợi, trà lúa mùa cực sớm và sớm đang vào giai đoạn làm đồng già, trổ bông và ngâm sữa; trà lúa mùa chính vụ và muộn đang ở thời kỳ đẻ rộ và phân hóa đòng.

Lúa hè thu : Tại địa bàn Bắc Trung bộ, lúa hè thu đã bắt đầu chín, chuẩn bị cho thu hoạch, trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi.

Tại các tỉnh Nam Trung bộ lúa khá tốt nhờ mưa đều, trà lúa sớm đang cho thu hoạch. Tuy nhiên, sâu bệnh gây hại đang có chiều hướng tăng nhanh tại một số địa phương trong vùng, đặc biệt là rầy nâu và rầy lưng trắng cần được phòng trừ kịp thời tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Vùng Đồng bằng Nam bộ, lúa hè thu đang trong thời kỳ thu hoạch rộ. Tính đến trung tuần tháng 8, các địa phương đã thu hoạch đạt hơn 1,2 triệu ha, chiếm hơn 60 % diện tích xuống giống. Riêng vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 63,6 % diện tích xuống giống, trong đó một số địa phương có tiến độ thu hoạch khá nhanh như Vĩnh Long (100 %), Đồng Tháp (98,9 %), An Giang (96,3 %) và Cần Thơ (69,3 %). Theo đánh giá kết quả bước đầu của một số địa phương trong vùng cho thấy, năng suất lúa hè thu không đồng đều. Các tỉnh Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, Bạc Liêu,... có triển vọng cho năng suất cao hơn vụ trước, trong khi thành phố Cần Thơ, Bến Tre, Tiền Giang,... năng suất lúa có thể giảm khá nhiều do hạn và gặp mưa, bão trong thời kỳ lúa trổ.

Lúa thu đông : Toàn vùng xuống giống đạt hơn 190 ngàn ha, trong đó các địa phương thuộc vùng Đông Nam bộ đạt 18,3 ngàn ha, vùng ĐBSCL đạt 173,5 ngàn ha. Do thời vụ khá eo hẹp và các địa phương thực hiện nghiêm túc chủ trương giãn vụ, né rầy của ngành, nên diện tích lúa thu đông năm nay đạt thấp hơn so với các năm trước.

Ngoài lúa, trong tháng các địa phương tiếp tục gieo trồng và thu hoạch rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu và vụ mùa. Tính đến ngày 15/8/2009, tổng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực trong cả nước đạt gần 1,4 triệu ha, giảm 4,5 % so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý là diện tích các cây chủ lực như ngô, khoai lang, sắn đều đạt diện tích thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Tổng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày đạt 622,5 ngàn ha, trong đó diện tích lạc đạt 235,6 ngàn ha, tăng 4,1 % so với cùng kỳ. Các cây khác như đậu tương, thuốc lá đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Rau, đậu các loại đạt xấp xỉ cùng kỳ năm trước.

2.1.2. Tình hình sâu bệnh hại lúa

Theo Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng 8/2009, diện tích lúa bị nhiễm sâu bệnh nhìn chung giảm nhiều so với các tháng trước, đặc biệt rầy nâu và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá ở vùng ĐBSCL đã giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Các tỉnh phía Bắc

- **Sâu cuốn lá nhỏ** : Vùng bắc Trung bộ có mật độ và diện tích nhiễm cao hơn năm trước. Toàn vùng nhiễm 8.986 ha, trong đó có 280 ha nhiễm nặng, mật độ phổ biến từ 10- 20 con/m². Vùng Đồng bằng Bắc bộ phổ biến sâu non lúa 5, lúa 6 hại chủ yếu trên lúa sớm và lúa chính vụ, mật độ trung bình từ 3 - 7 con/m², diện tích nhiễm 8.684 ha, đã phòng trừ 3.488 ha.

- **Rầy nâu, rầy lưng trắng** : Gây hại trên lúa ôm đòng, trổ bông ở các tỉnh vùng Bắc Trung bộ với tổng diện tích 3.481 ha, trong đó có 180 ha nhiễm nặng, so với cùng kỳ năm trước tăng 2.560 ha. Mật độ rầy phổ biến từ 400 – 1.500 con/m², cục bộ ở Quảng Trị lên tới 20.000 con/m². Ngoài ra, tại vùng Đồng bằng Bắc bộ, rầy lúa 5 hại diện hẹp trên giống nhiễm cực sớm - sớm và chính vụ, xuất hiện chủ yếu từ đầu tháng 8 với diện tích nhiễm gần 4.000 ha, cao hơn cùng kỳ năm trước.

- **Bệnh khô vằn** : Gây hại diện hẹp trên lúa sớm và lúa chính vụ từ đầu tháng 8 đến nay. Diện tích nhiễm gần 34 ngàn ha, tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước (khoảng 20 ngàn ha), tỷ lệ nhiễm trung bình từ 5 – 10 %. Đáng chú ý ở vùng Bắc Trung bộ, bệnh gia tăng khá nhanh trên lúa thời kỳ trổ, chín, cần được chú ý phòng trừ kịp thời.

- **Chuột, ốc bươu vàng** : Chuột hại chủ yếu ruộng cạn nước, ven làng, ven gò, đống. Diện tích bị hại hơn 8,1 ngàn ha, cao hơn cùng kỳ năm trước, trong đó có một số diện tích bị hại ở mức độ nặng. Ốc bươu vàng hại chủ yếu trên lúa đẻ nhánh, diện tích nhiễm gần 15 ngàn ha, tập trung chủ yếu trên lúa thuộc vùng Đồng bằng Bắc bộ. Mức độ nhiễm thấp hơn cùng kỳ năm trước.

Các tỉnh phía Nam

- **Rầy nâu** : Diện tích lúa nhiễm rầy nâu gần 220 ngàn ha, giảm 32 ngàn ha so với cùng kỳ năm trước. Mật độ rầy phổ biến từ 1.000 - 1.500 con/m². Riêng các vùng Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên diện tích nhiễm cao hơn cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắc Nông diện tích nhiễm rầy có thời điểm chiếm từ 30 - 50 % diện tích lúa.

- **Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá** : Tổng diện tích lúa bị nhiễm bệnh giảm mạnh. Hiện chỉ có hơn 280 ha bị nhiễm bệnh, so với cùng kỳ năm trước giảm hơn 14 ngàn ha. Tuy nhiên, vẫn có một số diện tích bị nhiễm nặng, với tỷ lệ bệnh từ 20 – 50 %, chiếm khoảng một nửa diện tích lúa bị nhiễm.

- **Bệnh đạo ôn** : Đạo ôn lá có 31.500 ha lúa bị nhiễm bệnh, tăng 3.217 ha so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ bệnh phổ biến 5 - 10 %, nơi cao có 346 ha với tỷ lệ nhiễm bệnh khảng 20 %. Đạo ôn cổ bông, tổng số có 12.067 ha bị nhiễm bệnh, tăng 1.528 ha so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ bệnh phổ biến 5 - 10 %, nơi cao 20 % với 293 ha.

- **Sâu cuốn lá nhỏ** : Diện tích nhiễm 33.133 ha, giảm 6.550 ha so với cùng kỳ năm trước, mật độ phổ biến từ 10 - 20 con/m², nơi cao > 40 con/m².

- **Bệnh lem lép hạt** : Tổng số có 29.856 ha lúa bị nhiễm bệnh lem lép hạt, tăng 18,3 ngàn ha so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ bệnh phổ biến từ 5 - 10 %, nơi cao có 1.100 ha với tỷ lệ nhiễm bệnh 20 %.

- **Bệnh bạc lá** : Tổng số có 16.143 ha nhiễm bệnh, tăng 9.100 ha so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ bệnh phổ biến 5 - 10 %, nơi cao có 695 ha với tỷ lệ nhiễm bệnh 20 %.

Ngoài ra, còn có bệnh đốm vằn, sâu đục thân, bọ trĩ,... và một số đối tượng khác như bọ xít, sâu cắn gié,... xuất hiện rải rác với mức độ nhiễm nhẹ.

2.2. Chăn nuôi, thú y

Sản xuất chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2009 phát triển tốt hơn so với cùng kỳ 2008. Giá cả thức ăn và giá bán sản phẩm tương đối ổn định đã tạo điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, với giá bán sản phẩm ở mức thấp như hiện nay thì người chăn nuôi lợn và gia cầm lãi ít đã ảnh hưởng đến tốc độ mở rộng quy mô đàn.

Tình hình chăn nuôi gia súc lớn trong tháng 8/2009 phát triển ổn định. Giá thịt bò trên thị trường không có biến động so với tháng 7. Để đáp ứng nhu cầu thịt bò tại miền Tây và các thành phố, việc nhập bò thịt giống từ biên giới Căm-pu-chia về các tỉnh Kiên Giang và An Giang vẫn tiếp tục với số lượng lớn, gây khó khăn trong việc kiểm soát và kiểm dịch với bò nhập.

Giá sữa tươi thu mua cho nông dân đang ổn định trên 7.000 đồng/lít. Công ty sữa Quốc tế triển khai vùng nguyên liệu sữa bò tại Ba Vi, hỗ trợ nông dân nuôi bò sữa và bán sữa cho Công ty. Được sự đồng ý của UBND tỉnh và các ban ngành, Công ty THMILK (Nghệ An) đang triển khai xây dựng dự án phát triển chăn nuôi và chế biến sữa tại Nghĩa Đàn (Nghệ An) với quy mô 30.000 con. Trong khoảng từ 11/2009 - 3/2010, Công ty dự kiến sẽ nhập 2.400 bò HF hậu bị từ Niu Di-lân để triển khai dự án chăn nuôi bò sữa thâm canh với công nghệ và tư vấn của Ix-ra-en.

Tình hình chăn nuôi dê, cừu đang phục hồi. Giá dê, cừu lên cao thuận lợi cho người chăn nuôi ở các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận.

Giá lợn hơi tại khu vực phía Nam của Công ty Chăn nuôi CP VN dao động từ 31.000 - 34.000 đồng/kg, giảm 2.000 đồng/kg so với tháng trước. Giá lợn hơi tại các trại ở khu vực miền Đông cũng giảm tương tự. Trong khi đó, giá lợn hơi ở phía Bắc dao động từ 26.000 - 27.000 đồng/kg, thậm chí lợn lai F1 chỉ còn 22.000 - 23.000 đồng/kg.

Tại khu vực Đồng Nai, giá gà thả vườn thương phẩm 1 ngày tuổi 6.000 đ/con; giá gà công nghiệp 3.000 đ/con. Giá gà thịt thả vườn ở mức 24.000 - 25.000 đ/kg. Vịt thịt giá 26.000 đ/kg; vịt giống bố mẹ 17.000 đ/con mái, 25.000 đ/con trống; vịt siêu thịt thương phẩm 1 ngày tuổi giá 10.000 - 11.000 đ/con. Giá gà ta giống 10.000 đ/con nhưng rất khan hiếm giống.

So với tháng 7/2008, tháng 8/2009 giá một số nguyên liệu TĂCN trong nước cũng như nhập khẩu đã giảm : ngô 4.250 đ/kg (giảm 7 %), bột cá sản xuất trong nước 60 % prô-tê-in 17.000 đ/kg (giảm 4,2 %), khô đỗ tương 9.400 đ/kg (giảm 0,5 %). Ngược lại, một số nguyên liệu khác có giá tăng : cám gạo 4.400 đ/kg (tăng 7,4 %), sản khô 3.450 đ/kg (tăng 13,3 %), Methionin 98.000 đ/kg (tăng 3,7 %), Lyzin 32.000 đ/kg (tăng 1,6 %); Giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm có giảm nhẹ : cám gà Broiler 7.000 đ/kg (giảm 0,8 %), cám lợn thịt giai đoạn từ 60 kg đến xuất chuồng 5.800 đ/kg (giảm 1,7 %).

2.2.2. Tình hình dịch bệnh

- Dịch Cúm gia cầm

Hiện nay, cả nước không còn địa phương nào có dịch Cúm gia cầm.

- Dịch Lở mồm long móng

Hiện nay, cả nước còn 4 tỉnh là Kon Tum (19 ngày), Quảng Trị, Quảng Bình và Hà Tĩnh có dịch LMLM chưa qua 21 ngày.

Tại Kon Tum : Các ổ dịch LMLM tại xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum (74 con) và xã Pờ Ê - huyện KonPlông (6 con) đến nay đã được dập tắt. Toàn bộ số gia súc mắc bệnh đã khỏi bệnh về triệu chứng lâm sàng, không phát sinh gia súc mắc bệnh mới. Hiện nay, Chi cục Thú y đang tiếp tục phối hợp với các địa phương thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tái phát và chuẩn bị tham mưu UBND tỉnh công bố hết dịch.

- Dịch Tai xanh trên lợn

Hiện nay, cả nước còn 3 tỉnh là Bạc Liêu, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đồng Nai có dịch Tai xanh chưa qua 21 ngày.

Tại Bạc Liêu : Phát hiện tại ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình 30/40 con heo có triệu chứng nghi bệnh tai xanh, đã tiến hành tiêu hủy 20/30 con heo bệnh (trọng lượng 520 kg).

- Dịch bệnh khác

Tại Bạc Liêu : Một số bệnh thông thường trên đàn gia súc, gia cầm vẫn xảy ra. Tổng số heo mắc bệnh là 1.195 con (*tụ huyết trùng, phó thương hàn, E.coli,..*), chết 231 con; gia cầm mắc bệnh 4.494 con (*E.coli, tụ huyết trùng*), chết 389 con.

Tại Đồng Nai : Phát hiện 1 trường hợp gà chết do mắc bệnh Gumboro trên địa bàn huyện Thống Nhất. Sở NN & PTNT đã chỉ đạo Chi cục Thú y phối hợp với ban ngành địa phương kiểm tra và xử lý theo quy định. Ngoài ra, còn một số trường hợp gia cầm bị bệnh, chết do nhiễm các bệnh thông thường về hô hấp, tiêu hóa đã được kịp thời xử lý.

Lãnh đạo Cục Thú y, các Cơ quan Thú y vùng đã chỉ đạo, hỗ trợ công tác phòng, chống dịch tại các địa phương

2.3. Lâm nghiệp

2.3.1. Thực hiện công tác lâm sinh

Thời tiết trong tháng 8 có mưa nhiều thuận lợi cho việc trồng rừng đặc biệt là các tỉnh miền Bắc. Ước tính đến 22/8/2009, diện tích trồng rừng tập trung trên cả nước là 117,5 nghìn ha, đạt 51,7 % kế hoạch, tăng 9,4 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích trồng rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 27,6 nghìn ha, tăng 17,7 % so với cùng kỳ năm trước, đạt 46,1 % kế hoạch. Rừng sản xuất trồng được 89,9 nghìn ha, tăng 7,1 % so với cùng kỳ năm trước, đạt 53,7 % kế hoạch. Chăm sóc rừng trồng đạt 174,6 nghìn ha, tăng 16,7 % kế hoạch và bằng 84,8 % so với cùng kỳ năm trước. Trồng cây nhân dân đạt 137 triệu cây, bằng 68,5% kế hoạch và bằng 98,8 % so với cùng kỳ năm trước. Khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng dặm đạt 677 nghìn ha, vượt 33,8 % kế hoạch và vượt 4,6 % so với cùng kỳ năm trước. Khoán quản lý bảo vệ rừng đạt 2.125,2 nghìn ha, vượt 39,4 % kế hoạch và bằng 85,5 % so với cùng kỳ năm trước. Thực hiện khai thác gỗ đạt 2.352 nghìn m³, đạt 53,7 % kế hoạch, tăng 14,6 % so với cùng kỳ năm trước.

Các tỉnh miền Bắc : Đang khẩn trương trồng rừng để hoàn thành kế hoạch năm 2009. Đến ngày 22/8/2009, các tỉnh miền Bắc đã trồng được 105,7 nghìn ha, chiếm 88,8% diện tích trồng rừng cả nước. Trong đó, các tỉnh Đông Bắc có diện tích trồng rừng lớn nhất trên cả nước, với 80,5 nghìn ha, tiếp đến là Tây Bắc trồng được 15 nghìn ha. Các tỉnh có diện tích trồng rừng lớn là Tuyên Quang (13.537 ha), Quảng Ninh

(13.067ha), Hà Giang (12.588 ha), Yên Bái (11.694 ha). Ngoài việc trồng rừng, các tỉnh tiếp tục thực hiện chăm sóc diện tích rừng đã trồng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và một số tỉnh tiếp tục thực hiện công tác cấm mốc ranh giới 3 loại rừng theo kế hoạch. Tuy nhiên, việc triển khai cấm mốc rất khó khăn do địa hình phức tạp, chủ yếu là vùng sâu, vùng xa; kinh phí nhân công phê duyệt thấp so với thực tế....

Các tỉnh miền Nam : Tiếp tục gieo ươm, chăm sóc cây giống và chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật (phát dọn thực bì, đào hố, bón lót phân) để phục vụ cho mùa trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán năm 2009. Tính đến ngày 22/8/2009, các tỉnh miền Nam đã trồng được 9.350 ha rừng, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng là 3.054 ha, rừng sản xuất là 6.296 ha. Một số địa phương đã triển khai trồng rừng là Đắk Lắk (3.700 ha), Kon Tum (2.264 ha), Tây Ninh (843 ha), Lâm Đồng (563 ha). Bên cạnh việc chuẩn bị và tiến hành trồng rừng, các địa phương tiếp tục chăm sóc diện tích rừng trồng năm trước, triển khai giao khoán quản lý bảo vệ rừng và thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh.

2.3.2. Tình hình vi phạm lâm luật

Các địa phương tiếp tục nỗ lực ngăn chặn vi phạm lâm luật. Tuy nhiên, vẫn xảy ra một số vụ vi phạm lâm luật ở các địa phương như Lào Cai (192 vụ), trong đó phá rừng trái phép 17 vụ, vi phạm quy định về PCCCR 19 vụ, vận chuyển mua bán trái phép lâm sản 124 vụ... Thanh Hoá phát hiện 147 vụ buôn lậu lâm sản. Quảng Nam có số vụ vi phạm là 820 vụ, trong đó đã xử lý 737 vụ, khởi tố hình sự là 14 vụ. Phú Yên đã phát hiện 888 vụ, xử phạt hành chính và xử lý hình sự 849 vụ. Đắk Lắk có 1.210 vụ, trong đó phá rừng trái phép là 62,4 ha.

2.3.3. Tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng

Đến tháng cuối tháng 8 năm 2009, diện tích rừng bị thiệt hại là 2.826 ha, trong đó diện tích rừng bị cháy là 1.512,2 ha như Lào Cai 17 vụ với diện tích 27,64 ha, Long An 8 vụ làm thiệt hại 62,3 ha.... Trong tháng, các địa phương đang tăng cường kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy rừng, tiếp tục chỉ đạo tuyên truyền công tác quản lý bảo vệ và PCCCR, nhiều nơi duy trì chế độ thường trực chỉ huy PCCCR 24/24 giờ.

2.4. Nghề muối

Sản lượng muối cả nước giảm so với cùng kỳ năm 2008 do thời tiết không thuận lợi, mưa nhiều. Sản lượng muối ước đạt 600.000 tấn, bằng 86 % so với cùng kỳ năm trước. Do giá muối hợp lý, nên bà con diêm dân tích cực bảm nắng và mở rộng thêm diện tích sản xuất. Diện tích sản xuất muối cả nước ước đạt 14.465 ha, tăng 16 % so với năm 2008.

Giá muối có chiều hướng giảm nhẹ tại các tỉnh phía Bắc và vùng duyên hải miền Trung, trong khi Nam bộ vẫn giữ giá. Nhìn chung giá muối cả nước vẫn tương đối ổn định, không biến động nhiều so với tháng 7/2009. Giá tại các tỉnh miền Bắc từ 1.000 - 1.600 đ/kg. Tại các tỉnh Đông Nam bộ và duyên hải miền Trung, giá muối ở mức 1.000 - 1.600 đ/kg (trong đó giá muối công nghiệp là 1.200 - 1.250đ/kg). Tại các tỉnh ĐBSCL, giá ở mức 1.250 - 1.600đ/kg

2.5. Thủy sản

2.5.1. Khai thác thủy sản

Hoạt động khai thác trên biển trong tháng của các tàu bị giảm. Nguyên nhân sản lượng thủy sản đánh bắt giảm so với tháng trước là do giá các loại thủy hải sản tiếp tục

giảm mạnh, chi phí đầu vào tăng và tình hình khai thác bị ảnh hưởng của các đợt bão, áp thấp nhiệt đới ngoài khơi. Tình hình tàu của một số địa phương bị phía nước ngoài bắt giữ khi đang đánh bắt trên biển vẫn còn diễn ra làm ảnh hưởng đến việc bám biển sản xuất của ngư dân. Các nghề khai thác chính như lưới cản, lưới vây... đạt sản lượng trung bình. Tuy nhiên, do giá dầu tăng đã kéo theo chi phí chuyển biển tăng cao, trong khi giá thu mua không tăng nên ảnh hưởng đến thu nhập của ngư dân.

Tại miền Trung, ngư dân tiếp tục bám biển khai thác cá vụ Nam. Tại Đà Nẵng, sản lượng khai thác 8 tháng đạt 27.600 tấn, bằng 92,25 % so với cùng kỳ. Quảng Ngãi đạt sản lượng 8 tháng 70.653 tấn, tăng 1,8 % so với cùng kỳ. Quảng Nam đạt sản lượng khai thác hải sản 37.118 tấn.

Tại các tỉnh ĐBSCL, 8 tháng đầu năm Tiền Giang đạt sản lượng khai thác là 51.041 tấn, tăng 14,3 % so với cùng kỳ, Bạc Liêu khai thác 61.460 tấn, tăng 15,86 % so với cùng kỳ, Sóc Trăng khai thác 26.247 tấn (trong đó khai thác biển 17.692 tấn).

Tháng 8/2009, sản lượng khai thác ước đạt 158 ngàn tấn, đưa tổng sản lượng khai thác thủy sản 8 tháng năm 2009 lên 1.502 ngàn tấn, bằng 68,3 % so với kế hoạch, tăng 5,6 % so với cùng kỳ. Trong đó khai thác biển ước đạt 1.380 ngàn tấn, khai thác nội địa ước đạt 122 ngàn tấn.

2.5.2. Nuôi trồng thủy sản

Sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 08/2009 ước đạt 180 ngàn tấn, đưa tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản 8 tháng năm 2009 lên 1.498 ngàn tấn, bằng 62,4 % kế hoạch, giảm 2 % so với cùng kỳ năm 2008.

*** Nuôi cá tra:**

Tại Bến Tre diện tích thả giống ước đạt 709 ha, tăng 23 % so với cùng kỳ năm 2008, diện tích thu hoạch ước đạt 290 ha, tổng sản lượng 54.800 tấn. Tiền Giang đạt 28.500 tấn, diện tích nuôi 122 ha. Đồng Tháp có diện tích nuôi 1.489 ha, đạt sản lượng 168.753 tấn.

Nhìn chung cá nuôi phát triển tốt, tuy nhiên dịch bệnh vẫn thường xuyên xuất hiện nhưng không gây thiệt hại nghiêm trọng đối với nghề nuôi cá tra, một số bệnh thường gặp như gan thận có mũ, xuất huyết, phù đầu, trắng gan trắng mang. Giá bán cá tra nguyên liệu trong tháng 8 dao động từ 14.000 - 15.200 đồng/kg, giá thành bình quân dao động trong khoảng 15.000 - 15.500 đồng/kg nên hầu hết người nuôi không có lãi.

*** Nuôi nhuyễn thể :**

Tại Nam Định, sản lượng Ngao đạt 13.601 tấn, Tiền Giang (sản lượng nghêu đạt 18.000 tấn, diện tích 2.150 ha). Tại Bến Tre, sản lượng nghêu, sò ước đạt 6.700 tấn, hiện nay nghêu, sò nuôi đang phát triển ổn định. Các đơn vị thường xuyên phối hợp khảo sát tình hình phát triển của nghêu, sò để hỗ trợ trong việc quản lý và bảo vệ, san thưa nguồn nghêu giống.

3. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA KHỐI DOANH NGHIỆP

Theo số liệu báo cáo của một số doanh nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá cố định 1994) trong tháng 8/2009 ước tính như sau :

Đơn vị tính : triệu đồng

Số TT	Tên doanh nghiệp	Ước TH tháng 8/2009
1	Tổng công ty Chè	23.795
2	Công ty Cổ phần in Nông nghiệp	254
3	Tổng công ty Mía đường 2	170
4	Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi	67.157

Tình hình sản xuất mía đường

a. Tình hình sản xuất :

Đây là thời điểm chuyển vụ, các nhà máy đường đang bảo dưỡng. Khu vực ĐBSCL là nơi vào vụ sản xuất 2009 - 2010 sớm nhất, sẽ bắt đầu từ đầu tháng 9/2009.

b. Tiêu thụ :

Tổng lượng đường tiêu thụ từ 15/7 - 15/8/2009 là 62.200 tấn, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 3.100 tấn. Tuy nhiên, thực tế tiêu thụ còn thấp hơn nữa vì lượng đường các đơn vị thương mại còn gửi tại kho các nhà máy tăng thêm gần 5.000 tấn.

Lượng đường tồn tại kho các nhà máy đến ngày 15/8/2009 là 78.900 tấn, thấp hơn cùng kỳ năm trước 131.000 tấn. Lượng đường các doanh nghiệp kinh doanh còn gửi ở kho các nhà máy là 22.000 tấn. Lượng đường nhập khẩu theo hạn ngạch còn khoảng 15.000 tấn chưa nhập. Lượng đường nhập khẩu bổ sung 40.000 tấn, các đơn vị có thể tiến hành nhập khẩu từ ngày 18/8/2009 (từ ngày 17/8/2009 quota có hiệu lực).

Nếu mức sản xuất, tiêu thụ đường vẫn giữ như năm 2008, với lượng đường hiện có thì cân đối cung cầu là cân bằng và có 40.000 tấn mới bổ sung hạn ngạch làm dự phòng.

c. Giá cả, thị trường

Từ 15/7 - 15/8/2009, giá đường liên tục tăng. Giá bán đường trắng loại I đã có thuế tại kho nhà máy cuối tháng 7/2009 là 11.000 đ/kg, đầu tháng 8 tăng lên trên 12.000 đ/kg và hiện nay là 13.500 - 13.800 đ/kg. Nguyên nhân giá đường tăng là do giá trên thị trường thế giới tăng nhanh (từ 450 USD/tấn lên 590 USD/tấn đường trắng tại thị trường Luân Đôn). Đồng thời công tác chống buôn lậu thời gian vừa qua thực hiện tốt, nên lượng đường nhập lậu giảm hẳn. Áp lực đường lậu giảm nên các nhà máy tăng giá, hy vọng thu thêm lợi nhuận. Theo báo cáo của các nhà máy, từ khi nâng giá lên 13.500 đ/kg, lượng đường bán ra chậm.

Dự báo, nếu giá đường thế giới không tiếp tục tăng thì giá đường trong nước thời gian tới sẽ chững lại và giảm do 4 yếu tố :

- + Cân đối cung cầu đảm bảo
- + Lượng đường các đơn vị thương mại gửi tại kho các nhà máy còn nhiều.
- + Đã bắt đầu vào vụ mới.
- + Quota nhập khẩu bổ sung 40.000 tấn đã có hiệu lực.

Tuy nhiên, do lượng cung chênh lệch ít so với cầu, nên nếu các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đường lớn đầu cơ thao túng thị trường, thì vẫn có thể tạo nên sốt giá đường. Để giữ ổn định thị trường đường, cần có sự kiểm tra, chỉ đạo sát sao của tổ thị trường trong nước và Hiệp hội Mía đường Việt Nam.

4. XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN, PHÂN BÓN

4.1. Xuất khẩu nông, lâm và thủy sản

Ước tháng 8/2009, tổng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 1,35 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 630 triệu USD, thủy sản 450 triệu USD, lâm sản chính ước đạt 250 triệu USD. Tổng giá trị xuất khẩu toàn ngành 8 tháng ước đạt 10,2 tỷ USD, giảm 7,9 % so với cùng kỳ năm 2008, trong đó các mặt hàng nông sản đạt 5,59 tỷ USD (bằng 91,44 % so với cùng kỳ), thủy sản đạt 2,65 tỷ USD (bằng 91,89 % so với cùng kỳ), lâm sản chính đạt 1,7 tỷ USD (bằng 86,15 % so với cùng kỳ). Hầu hết các mặt hàng đều tăng về lượng nhưng giá trị thì phần lớn sụt giảm so với năm trước, trừ mặt hàng gạo, rau quả và sắn.

Cụ thể một số mặt hàng chính như sau :

+ **Gạo** : Ước tháng 8/2009 xuất khẩu 500 ngàn tấn, kim ngạch đạt 205 triệu USD, đưa tổng lượng gạo xuất khẩu 8 tháng đầu năm ước đạt 4,72 triệu tấn. Đây là khối lượng xuất khẩu gạo cao kỷ lục của Việt Nam, kim ngạch đạt 2,15 tỷ USD. So với cùng kỳ năm trước tăng 43,3 % về lượng, nhưng giảm 1,43 % về giá trị. Giá gạo XK bình quân 7 tháng đầu năm đạt 462 USD/T, giảm 28,55 % so cùng kỳ năm trước. Mặc dù nhu cầu ở thị trường quốc tế đối với gạo Việt Nam tăng khá như Phi-lip-pin, các nước châu Phi nhưng giá mặt hàng này vẫn có xu thế giảm.

+ **Cà phê** : Ước xuất khẩu tháng 8/2009 đạt 55 ngàn tấn, kim ngạch 78 triệu USD, tổng xuất khẩu cà phê 8 tháng ước đạt 843 ngàn tấn và đạt giá trị 1,25 tỷ USD, so với cùng kỳ năm trước tăng 17,59 % về lượng nhưng giảm 17,35 % về giá trị. Giá XK bình quân 7 tháng là 1.484 USD/T, giảm 29,17 % so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính khiến giá giảm vẫn là do suy thoái kinh tế khiến sức mua giảm mạnh. Ngoài ra, một số nhà đầu cơ hạn chế thu mua để đẩy giá xuống thấp nhằm lũng đoạn thị trường. Tuy vậy, giá cà phê cũng có khả năng phục hồi do dự báo sản lượng cà phê niên vụ 2009 – 2010 giảm so với niên vụ trước.

+ **Cao su** : Tháng 8/2009, ước khối lượng xuất khẩu 83 ngàn tấn, đạt 122 triệu USD. Tổng xuất khẩu 8 tháng đầu năm ước đạt 417 ngàn tấn và thu về 602 triệu USD, so với cùng kỳ năm trước tăng 10 % về lượng nhưng giảm 41,33 % về giá trị. Giá cao su XK trung bình 7 tháng đầu năm đạt 1.437 USD/tấn, giảm 45,67% (tương đương 1.208 USD/T) so cùng kỳ năm trước.

+ **Chè** : Ước xuất khẩu tháng 8/2009 đạt 16 ngàn tấn, kim ngạch 23 triệu USD. Tổng lượng chè xuất khẩu 8 tháng đầu năm ước đạt 84 ngàn tấn, với giá trị 109 triệu USD. So với cùng kỳ năm ngoái, chỉ riêng mặt hàng này là tăng trưởng cả về khối lượng (21,32 %) và giá trị (14,53 %). Giá chè xuất khẩu trung bình 7 tháng đạt 1.272 USD/tấn, giảm nhẹ so cùng kỳ năm trước. Suy thoái kinh tế ảnh hưởng đến hầu hết các mặt hàng, nhưng chè là mặt hàng đạt được tăng trưởng khá do người tiêu dùng có xu hướng chuyển từ đồ uống đắt tiền sang loại đồ uống rẻ tiền hơn.

+ **Hạt điều** : Tháng 8/2009, xuất khẩu ước đạt 20 ngàn tấn với kim ngạch 100 triệu USD, đưa mức xuất khẩu 8 tháng đầu năm ước đạt 115 ngàn tấn, kim ngạch 532 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều tăng 8,11 % về lượng nhưng giảm 10,72 % về giá trị. Giá xuất khẩu bình quân 8 tháng đạt 4.540 USD/T, giảm 17,58 % (tương ứng 968 USD/T) so với cùng kỳ năm trước.

+ **Tiêu** : Xuất khẩu tháng 8/2009 ước đạt 13 ngàn tấn, kim ngạch đạt 34 triệu USD. 8 tháng đầu năm 2009 ước xuất khẩu được 95 ngàn tấn, với kim ngạch 228 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước, lượng xuất khẩu tăng 46 % và kim ngạch giảm 1,09 %. Giá xuất khẩu bình quân 8 tháng đạt 2.349 USD/T, giảm 33,4 % (tương đương 1.178 USD/T) so với mức giá cùng kỳ năm 2008.

+ **Lâm sản và đồ gỗ** : Tháng 8/2009, xuất khẩu lâm sản và đồ gỗ ước đạt 250 triệu USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm ước đạt 1,7 tỷ USD, giảm 13,92 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 1,58 tỷ USD, giảm 13,4 %; sản phẩm mây tre, cói thảm ước đạt trên 115 triệu USD, giảm 21,66 % so với cùng kỳ năm trước.

+ **Thủy sản** : Ước xuất khẩu tháng 8/2009 đạt 450 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 8 tháng 2009 lên 2,65 tỷ USD, giảm 8,11 % so với cùng kỳ năm 2008.

Theo thống kê, mặc dù xuất khẩu thủy sản đã có những dấu hiệu phục hồi nhưng đến 7 tháng khối lượng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vẫn giảm 4,59 % so với cùng kỳ năm trước (đạt 637,7 ngàn tấn), trong khi giá trị lại giảm 8,02 % (đạt 2.196,7 triệu USD).

Mặt hàng tôm (cả tôm đông lạnh và chế biến) trở lại vị trí số một với khối lượng xuất khẩu là 95,4 ngàn tấn (tăng 4,64 %) nhưng giá trị chỉ đạt 773,7 triệu (giảm 2,12 %) với thị trường xuất khẩu chính theo thứ tự là Nhật, Mỹ, EU. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, thị trường Nhật vẫn bị sụt giảm so với năm 2008 (giảm 8,26 % về khối lượng và 6,51 % về giá trị), trong khi Mỹ (tăng 18,54% và 2,29%) và EU (tăng 12,21% và 2,62%) lại có sự tăng trưởng khá, mặc dù khối lượng tăng nhanh hơn giá trị.

Mặt hàng giữ vị trí thứ hai là cá tra, basa với khối lượng xuất khẩu 324,38 ngàn tấn (so với cùng kỳ giảm 5 %) đạt giá trị 733,17 triệu USD (giảm 5,34 %). Mặt hàng này vẫn đạt được sự tăng trưởng tốt ở khối thị trường EU (130,37 ngàn tấn, 316,81 triệu USD, tăng 8,75 % về lượng và 2,42 % về giá trị), Mỹ (21,81 ngàn tấn, 69,37 triệu USD, tăng 57,39 % về lượng và 58,3 % về giá trị). Các thị trường châu Á và châu Mỹ cũng thu được những dấu hiệu tích cực, tăng trưởng cả về khối lượng và giá trị. Nếu xét từng nước thì Tây Ban Nha là bạn hàng lớn nhất tiêu thụ cá tra, basa xuất khẩu với tỷ trọng giá trị chiếm tới 11,02 %, tiếp theo là Mỹ với 9,46 %.

Về mặt thị trường, 7 tháng đầu năm ghi nhận dấu hiệu đáng mừng từ thị trường Mỹ và các nước châu Mỹ với khối lượng xuất khẩu tăng trên 20 % và giá trị tăng từ 6 - 8 % so với cùng kỳ năm 2008. Thị trường Trung Quốc (kể cả Hồng Kông) có sự tăng trưởng khá (tăng 17,54 % về khối lượng và 19,49 % về giá trị).

4.2. Nhập khẩu vật tư, phân bón

Tổng giá trị nhập khẩu tháng 8 của các mặt hàng nông sản và vật tư, nguyên liệu đạt 1 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu các mặt hàng chủ yếu 8 tháng năm 2009 đạt

6,64 tỷ USD, giảm 10,52 % so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể một số mặt hàng chính như sau :

+ **Phân bón** : Ước nhập khẩu tháng 8/2009 đạt 250 ngàn tấn các loại, trong đó urê ước 70 ngàn tấn, DAP 70 ngàn tấn. Tổng lượng phân bón nhập khẩu 8 tháng năm 2009 ước 2,7 triệu tấn, tương đương 904 triệu USD, tăng 8,74 % về lượng và giảm 25,04 % về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Lượng phân urê nhập về trong 8 tháng là 838 ngàn tấn, tương đương 251 triệu USD, tăng 39,88 % về lượng và 6,61 % về giá trị; DAP 650 ngàn tấn, gấp gần 2 lần về lượng nhưng giá trị giảm 17,87 %; phân SA - 717 ngàn tấn và 102 triệu USD, tăng 36,41 % nhưng giảm 27,22 % về giá trị; NPK - 195 ngàn tấn và 81 triệu USD, tăng 29,71 % về lượng và giảm 2,91 % về giá trị; Các loại phân bón khác - 326 ngàn tấn và 217 triệu USD, bằng 36,58 % về lượng và 49,45 % về giá trị so với năm 2008.

+ **Thuốc trừ sâu và nguyên liệu** : Ước nhập khẩu tháng 8/2009 đạt 44 triệu USD. Tổng nhập khẩu 8 tháng ước đạt 318 triệu USD, giảm 11,95 % so với cùng kỳ năm trước.

+ **Gỗ và sản phẩm gỗ** : Ước nhập khẩu tháng 8/2009 đạt 93 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu 8 tháng ước đạt 547 triệu USD, giảm 29,23 % so cùng kỳ năm trước.

+ **Thức ăn gia súc và nguyên liệu** : Ước kim ngạch nhập khẩu tháng 8/2009 đạt 247 triệu USD, nâng giá trị nhập khẩu 8 tháng ước đạt 1,3 tỷ USD, tăng 1,27 % so với cùng kỳ năm trước.

+ **Cao su** : Ước nhập khẩu tháng 8/2009 đạt 28 ngàn tấn với kim ngạch 37 triệu USD. Ước 8 tháng đầu năm NK 178 ngàn tấn với kim ngạch 238 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước tăng 28,82 % về lượng và giảm 35,29 % về giá trị.

+ **Lúa mì** : Ước nhập khẩu tháng 8/2009 đạt 110 ngàn tấn. Tổng lượng nhập khẩu 8 tháng năm 2009 ước đạt 881 ngàn tấn với trị giá 223 triệu USD, tăng 75,9 % về lượng và 3,94 % về giá trị so cùng kỳ năm trước.

+ **Bông** : Tổng nhập khẩu 8 tháng đầu năm ước đạt 190 ngàn tấn với kim ngạch 233 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước giảm 3,11 % về lượng và 22,61 % về giá trị.

5. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

5.1. Vốn Ngân sách tập trung do Bộ quản lý.

5.1.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung .

a. Tình hình thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản và giải ngân vốn ngân sách tập trung do Bộ Nông nghiệp & PTNT quản lý thực hiện tháng 8 và 8 tháng năm 2009 (**Mục A của phụ biểu : vốn ngân sách giao đầu năm**) ước đạt 2.109 tỷ đồng, bằng 71,4 % kế hoạch năm, trong đó :

- *Vốn thực hiện các dự án* đạt 1.929 tỷ đồng bằng 74 % kế hoạch năm;
- + Khối Thủy lợi : Ước đạt 1.402,5 tỷ đồng, bằng 94,5 % kế hoạch;
- + Khối Nông nghiệp : Ước đạt 274 tỷ đồng, bằng 55,6 % kế hoạch
- + Khối Lâm nghiệp : Ước đạt 77,8 tỷ đồng, bằng 33,8 % kế hoạch;
- + Khối Thủy sản : Ước đạt 18 tỷ đồng, bằng 75 % kế hoạch;
- + Khối Khoa học - Công nghệ : Ước đạt 74,6 tỷ đồng, bằng 32,5 %

- + Khối Giáo dục - Đào tạo : Ước đạt 49,4 tỷ đồng, bằng 55 %
 - + Các ngành khác : Ước đạt 32,9 tỷ đồng, bằng 53,8 % kế hoạch;
 - *Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia* : đạt 10,5 tỷ đồng, bằng 26 % kế hoạch;
 - *Vốn đầu tư theo các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể* : đạt 88,5 tỷ đồng bằng 42,5 % kế hoạch;
 - *Vốn chuẩn bị đầu tư* : đạt 16,4 tỷ đồng, bằng 54,5 % kế hoạch;
 - *Bổ sung vốn dự trữ Quốc gia* : đạt 65 tỷ đồng, bằng 100 % kế hoạch;
- (Bộ đang đề nghị Chính phủ cấp bổ sung vốn dự trữ Quốc gia)

b. Tình hình thực hiện khối lượng và giải ngân nguồn vốn ngân sách ứng trước cho các dự án cấp bách (**Mục B của phụ biểu : Vốn ứng trước cho các dự án cấp bách**) thực hiện tháng 8 và 8 tháng năm 2009 ước đạt 394,8 tỷ đồng, bằng 39,5 % kế hoạch;

5.1.2. Kết quả thực hiện :

Tổng hợp số liệu thống kê, kết quả thực hiện của một số dự án thuộc các Khối như sau :

a. Khối Thủy lợi : Khối lượng thực hiện 8 tháng ước đạt 1.402,5 tỷ đồng, bằng 94,5 % kế hoạch năm;

Tiến độ triển khai thực hiện các dự án nhóm A, các dự án ODA cụ thể như sau :

- Dự án Lưu vực sông Hồng ADB3 : Khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 248,69 tỷ đồng, bằng 92 % kế hoạch vốn đầu năm và bằng 59 % kế hoạch giải ngân Bộ giao; Tính đến hết tháng 8/2009, các chủ đầu tư đã tiến hành bàn giao cho các đơn vị quản lý khai thác các Tiểu dự án đã hoàn thành : TDA đê Hữu Hoàng Long, TDA kè Ninh Giang - Triều Nội, TDA kè sông Trà Lý, kè Việt Trì, kè Phương Đô - Cẩm Đình đang tiến hành công tác kiểm toán và quyết toán công trình theo chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản; Một số TDA đang ở giai đoạn hoàn thành, công trình tiếp tục các ban A đôn đốc các nhà thầu khẩn trương triển khai thi công theo đúng tiến độ.

- Dự án Hỗ trợ thủy lợi Việt Nam WB3 : Khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 264 tỷ , bằng 163 % so với kế hoạch đầu năm và bằng 49,5 % kế hoạch Bộ giao giải ngân. Một số Tiểu dự án triển khai thực hiện khá tốt, các nhà thầu đang đẩy nhanh tiến độ thi công. Tuy nhiên, tại một số dự án các công trình đầu mối, hệ thống kênh tiêu bị chậm do ảnh hưởng của mùa mưa. Bộ yêu cầu các cơ quan chuyên ngành phối hợp với các chủ đầu tư kiểm tra giám sát, xử lý tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện các TDA để đẩy nhanh tiến độ thi công.

- Dự án Quản lý rủi ro thiên tai WB4 : khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 262,8 tỷ đồng, bằng 323 % kế hoạch đầu năm và bằng 75 % kế hoạch giải ngân Bộ giao. Các dự án có khối lượng thực hiện và giải ngân khá cao : Hồ Vực Mấu, đê biển Ba Tri, kè Hồng Ngự, trạm bơm Cầu Khải, chống úng Hải Lăng.

- Dự án Chống lũ hạ du sông Sài Gòn : Khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 61 tỷ đồng, bằng 74 % kế hoạch.

- Dự án thủy lợi các tỉnh miền Trung (ADB4) : Khối lượng thực hiện ước đạt 21,9 tỷ đồng, bằng 22 % kế hoạch. Đến hết tháng 8/2009, hầu hết các TDA thành phần đều có khối lượng thực hiện và giải ngân đạt thấp, tiến độ chậm do đang trong giai đoạn chuẩn bị kỹ thuật, trình duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán.

b. Khối Nông nghiệp : Khối lượng thực hiện ước đạt 274 tỷ đồng, bằng 55,6 % kế hoạch.

Theo báo cáo từ các ban quản lý dự án : Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai (vay vốn ADB) đạt tiến độ thực hiện và giải ngân cao. Các dự án ODA khác vay vốn ADB, WB đều triển khai rất chậm : Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung khối lượng đạt 2,8 tỷ đồng, bằng 2 % kế hoạch. Nguyên nhân chậm tiến độ thực hiện do tuyển chọn tư vấn (nhất là tư vấn nước ngoài) bị chậm. Mặt khác, một số TDA thành phần điều chỉnh lại dự án đầu tư do biến động về giá.

c. Khối Lâm nghiệp : Khối lượng thực hiện ước đạt 77,8 tỷ đồng, bằng 33,8 % kế hoạch.

Các dự án ODA đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện : Dự án Phát triển Lâm nghiệp, dự án Trồng rừng phòng hộ các tỉnh miền Trung. 02 dự án vay vốn ADB : dự án Phát triển Lâm nghiệp và cải thiện đời sống đồng bào Tây Nguyên, dự án Phát triển lâm nghiệp ở tỉnh Hoà Bình, Sơn La đang chuẩn bị các công tác kỹ thuật để triển khai thực hiện.

d . Khối Thủy sản : Khối lượng thực hiện ước đạt 18 tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch;

5.1.3. Một số công tác quản lý xây dựng cơ bản trọng tâm cần thực hiện trong thời gian tới.

- Chỉ đạo các Cục quản lý chuyên ngành và các địa phương khẩn trương kiểm tra các công trình thủy lợi, hệ thống đê, kè, cống, các hồ chứa nước, sửa chữa khôi phục các công trình, hạng mục công trình đảm bảo vận hành an toàn trong việc tiêu lũ, thoát lũ trong mưa bão.

- Tập trung đôn đốc đảm bảo an toàn các hồ chứa (lưu ý các hồ chứa lớn : Hồ thủy lợi thủy điện Cửa Đạt, Hồ Tả Trách, Hồ Định Bình...), kiểm tra quy trình vận hành, kế hoạch tiêu và thoát lũ vùng đồng bằng sông Hồng và Trung bộ.

- Rà soát lại năng lực quản lý dự án, đánh giá đúng năng lực tổ chức triển khai thực hiện dự án của các chủ đầu tư khối Viện, Trường, Trung tâm để có giải pháp tháo gỡ, bổ sung nhằm tăng cường năng lực quản lý dự án cho các chủ đầu tư.

- Tiếp tục thúc đẩy quyết liệt công tác trình, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật - Tổng mức đầu tư và tổng dự toán để đẩy nhanh tiến độ triển khai công trình, dự án vốn sự nghiệp Khoa học, Giáo dục đào tạo. Bộ yêu cầu các chủ đầu tư, khẩn trương đẩy nhanh tiến độ, kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Bộ yêu cầu các chủ đầu tư, các ban Quản lý dự án tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra chất lượng công trình, đồng thời có biện pháp phòng, chống, bảo vệ công trình an toàn trong mùa mưa lũ.

- Tập trung đôn đốc các Ban quản lý dự án thúc đẩy các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án vốn ngân sách tập trung, vốn ODA, vốn trái phiếu

Chính phủ, đặc biệt là các công trình, dự án có khối lượng thực hiện thấp chưa đạt mục tiêu tiến độ.

- Rà soát, đánh giá khả năng thực hiện của từng công trình, hạng mục công trình để sớm đưa ra phương án điều hoà, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư toàn ngành. Kiên quyết thực hiện việc điều chỉnh vốn từ các công trình triển khai chậm cho các dự án có nhu cầu cấp thiết, cấp bách cần sớm đưa vào sử dụng để phát huy hiệu quả kinh tế vốn đầu tư.

- Làm việc với Bộ, ngành liên quan để giải quyết vướng mắc cho các chủ đầu tư trong việc tổ chức triển khai thực hiện phân bổ và thông báo kế hoạch vốn bổ sung, vốn ứng trước cho các công trình cấp bách.

- Thúc đẩy các Ban A khẩn trương nghiệm thu khối lượng hoàn thành, đẩy nhanh tiến độ giải ngân thanh toán, giảm bớt khó khăn cho các nhà thầu thi công.

- Hoàn chỉnh báo cáo kế hoạch năm 2010 của các đơn vị thuộc Bộ và toàn ngành, trình Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan, triển khai các nhiệm vụ chuẩn bị kế hoạch đầu tư năm 2010.

- Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của Dự án Hỗ trợ kỹ thuật chiến lược Phát triển Nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2010 – 2015. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện báo cáo các chính sách dân tộc liên quan đến ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

5.2. Các công trình thuộc nguồn vốn trái phiếu Chính phủ .

5.2.1. Phân bổ và thông báo kế hoạch vốn năm 2009.

Căn cứ vào kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, về cơ bản Bộ Nông nghiệp đã thông báo vốn cho các chủ đầu tư.

5.2.2. Kết quả thực hiện

Khối lượng thực hiện 8 tháng ước đạt 1.934 tỷ đồng, đạt 50,24 % kế hoạch, giải ngân 1.465 tỷ đồng, đạt 37 % kế hoạch, trong đó :

- Các công trình theo quyết định 171/2006/QĐ- TTg : Khối lượng ước đạt 1.786 tỷ đồng, bằng 55 % kế hoạch, gồm :

+ *Các công trình thủy lợi lớn, cấp bách : Khối lượng ước đạt 1.180 tỷ đồng;*

Một số dự án có khối lượng thực hiện và giải ngân đạt khá cao : Hồ Cửa Đạt, Hồ Rào Đá, Hồ Định Bình, Hồ Tả Trạch...

+ *Các công trình thủy lợi miền Núi : Khối lượng ước đạt 350 tỷ đồng;*

Các dự án điển hình : Hồ Hao Hao, Đập ngăn mặn Sa Lung, Cụm công trình thủy lợi Krông Bông;

+ *Các công trình thủy lợi ĐBSCL : Khối lượng ước đạt 256 tỷ đồng;*

- Các dự án cấp bách bổ sung : Khối lượng thực hiện ước đạt 82,3 tỷ đồng, bằng 41 % kế hoạch;

- Các dự án đồng bằng sông Hồng : Khối lượng ước đạt 65,8 tỷ đồng, bằng 16,5 % kế hoạch;

Một số dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ ở đồng bằng sông Hồng trong 8 tháng đạt thấp so với yêu cầu do đang ở giai đoạn vừa chuẩn bị công tác kỹ thuật vừa triển khai thực hiện, công tác tư vấn thiết kế kỹ thuật chưa đáp ứng được tiến độ.

6. HIỆN TRẠNG BÁO CÁO THỐNG KÊ HÀNG THÁNG

Trong tháng 8/2009, có 44/63 Sở NN&PTNT (21 tỉnh miền Bắc và 23 tỉnh miền Nam) gửi báo cáo tiến độ về Trung tâm Tin học và Thống kê đúng hạn đáp ứng phần nào công việc tổng hợp chung, phục vụ chỉ đạo của Bộ và của ngành. Tuy nhiên, một số đơn vị chưa đảm bảo thời gian gửi, còn chậm. Đặc biệt, vẫn còn 19 tỉnh (chiếm 30 % số tỉnh) không gửi báo cáo tháng và số báo cáo chưa đúng qui định vẫn còn (*xem Phụ lục 10a và 10b*).

Trung tâm Tin học và Thống kê đã có nhiều nỗ lực để thu thập thông tin phục vụ công tác tổng hợp. Tuy nhiên, số lượng báo cáo về diêm nghiệp, thủy sản và khối doanh nghiệp còn quá ít (kể cả về số lượng cũng như chất lượng báo cáo). Do vậy, việc tổng hợp tình hình chung của toàn ngành, nhất là về số liệu phản ánh tình hình sản xuất gặp rất nhiều khó khăn.

Để đáp ứng yêu cầu tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin phân tích dự báo tình hình sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý của Bộ và của ngành, bên cạnh các biện pháp mạnh chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ và các địa phương cần chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định, việc hình thành hệ thống thống kê thống nhất trong toàn ngành là vấn đề cấp thiết cần được Bộ quan tâm chỉ đạo.

Nơi nhận :

- Lãnh đạo Bộ
- Vụ Kế hoạch
- Phát hành trên website: *mard.gov.vn*
- Lãnh đạo Trung tâm
- Lưu VT, TK₍₂₎, Dự báo

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Long Trì